Số: 12656/STC-QLCS; 20/11/2026; 14:05:15 +07:00

DANH SÁCH CHI TIẾT TÀI SẢN BÁO CÁO 3B

Từ ngày: 01/01/2025 - Đến ngày: 19/11/2026

STT	Mã Đơn Vị	Tên Đơn Vị	Mã Tài Sản	Tên Tài Sản	Địa Chỉ	Diện Tích Đất (m2)	Diện Tích Nhà (m2)	Nguyên Giá Đất (đồng)	Nguyên Giá Nhà (đồng)	Số Quyết Định	Ngày Hoàn Thành	Phân Loại Cột Báo Cáo
1	T02083025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Vĩnh B	000212500057648	Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo - Hải Phòng	Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo - Hải Phòng	2.724,00	290,00	5.246.875.000	2.786.717.295	2121/QĐ-UBND	10/11/2026	Chưa hoàn thành bước 2B
2	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500016062	BHXH TP Hải Phòng địa chỉ tại: phường Hải Dương, Hải Phòng	BHXH TP Hải Phòng địa chỉ tại: phường Hải Dương, Hải Phòng	713,30	2.020,00	10.065.780.000	23.372.628.232			Chưa hoàn thành bước 2B
3	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500016065	BHXH cơ sở Kinh Môn, Hải Phòng địa chỉ tại: Xã Phú Thái, Hải Phòng	BHXH cơ sở Kinh Môn, Hải Phòng địa chỉ tại: Xã Phú Thái, Hải Phòng	2.527,00	933,00	8.831.407.000	12.710.219.488	1305/QĐ-UBND	03/05/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
4	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500016068	BHXH cơ sở Đồ Sơn , Hải Phòng địa chỉ tại: Số 2 Cẩm Xuân, xã Kiến Thụy, Hải Phòng	BHXH cơ sở Đồ Sơn , Hải Phòng địa chỉ tại: Số 2 Cẩm Xuân, xã Kiến Thụy, Hải Phòng	890,90	1.004,00	3.741.780.000	11.525.634.475			Chưa hoàn thành bước 2B
5	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500056234	Cơ sở nhà đất VKSND huyện Thanh Hà (tỉnh Hải Dương cũ)	Cơ sở nhà đất VKSND huyện Thanh Hà (tỉnh Hải Dương cũ)	1.275,00	534,00	1.797.600.000	1.622.350.000			Chưa hoàn thành bước 2B
6	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500056238	Cơ sở nhà đất VKSND huyện Bình Giang (tỉnh Hải Dương cũ)	Cơ sở nhà đất VKSND huyện Bình Giang (tỉnh Hải Dương cũ)	1.600,00	398,00	2.640.000.000	2.601.616.000	1402/QĐ-UBND	10/05/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
7	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500056240	Cơ sở nhà đất VKSND huyện Ninh Giang (tỉnh Hải Dương cũ)	Cơ sở nhà đất VKSND huyện Ninh Giang (tỉnh Hải Dương cũ)	1.500,00	395,10	24.750.000.000	1.399.317.000	1402/QĐ-UBND	10/05/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
8	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500057645	Chi cục THADS huyện Kiến Thụy - Hải Phòng	Chi cục THADS huyện Kiến Thụy - Hải Phòng	1.112,00	251,00	1.029.600.000	630.264.000			Chưa hoàn thành bước 2B
9	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500057649	Chi cục THADS huyện Thanh Hà - Hải Dương	Chi cục THADS huyện Thanh Hà - Hải Dương	2.280,00	300,00	27.360.000.000	3.863.962.715	1400/QĐ-UBND	10/05/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
10	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500057651	Chi cục THADS huyện Kim Thành - Hải Dương	Chi cục THADS huyện Kim Thành - Hải Dương	510,00	251,00	1.275.000.000	808.474.000	1400/QĐ-UBND	10/05/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
11	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500057652	Chi cục THADS TX Kinh Môn - Hải Dương	Chi cục THADS TX Kinh Môn - Hải Dương	1.112,00	331,00	2.152.360.000	1.631.505.592			Chưa hoàn thành bước 2B
12	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500057653	Chi cục THADS huyện Gia Lộc - Hải Dương	Chi cục THADS huyện Gia Lộc - Hải Dương	1.297,00	400,00	7.782.000.000	3.570.183.558	1400/QĐ-UBND	10/05/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
13	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500057655	Chi cục THADS huyện Bình Giang - Hải Dương	Chi cục THADS huyện Bình Giang - Hải Dương	626,00	251,00	3.675.000.000	774.900.247			Chưa hoàn thành bước 2B
14	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500061571	Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Đồng Gia, Chi cục Thuế huyện Kim Thành; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chỉ: xã Kim Thành thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Đồng Gia, Chi cục Thuế huyện Kim Thành; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chỉ: xã Kim Thành thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	130,00	39,30	1.965.600.000	115.557.573			Chưa hoàn thành bước 2B
15	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500061572	Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Cộng Hòa, Chi cục Thuế huyện Kim Thành; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chỉ: xã Lai Khê, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Lai Khê, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương)	Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Cộng Hòa, Chi cục Thuế huyện Kim Thành; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chỉ: xã Lai Khê, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Lai Khê, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương)	135,00	69,40	928.800.000	480.406.585			Chưa hoàn thành bước 2B
16	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500061573	Trụ sở làm việc Đội Thuế Phúc Thành, Chi cục Thuế huyện Kinh Môn; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chỉ: xã Nam An Phụ, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cũ)	Trụ sở làm việc Đội Thuế Phúc Thành, Chi cục Thuế huyện Kinh Môn; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chỉ: xã Nam An Phụ, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cũ)	225,00	56,00	1.575.000.000	296.375.000			Chưa hoàn thành bước 2B
17	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500061574	Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Hồng Hưng, Chi cục Thuế huyện Gia Lộc, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ; Địa chỉ: xã Gia Phúc; thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cũ)	Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Hồng Hưng, Chi cục Thuế huyện Gia Lộc, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ; Địa chỉ: xã Gia Phúc; thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cũ)	181,50	69,00	1.645.500.000	656.562.424			Chưa hoàn thành bước 2B
18	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500061575	Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Cộng Lạc, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ; Địa chỉ: Xã Lạc Phượng; thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Lạc Phượng, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ)	Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Cộng Lạc, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ; Địa chỉ: Xã Lạc Phượng; thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Lạc Phượng, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ)	54,00	100,00	378.000.000	159.334.000			Chưa hoàn thành bước 2B
19	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500061576	Trụ sở làm việc Đội Thuế Hưng Đạo, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ; Địa chỉ: Xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng (trước đây là Xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ)	Trụ sở làm việc Đội Thuế Hưng Đạo, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ; Địa chỉ: Xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng (trước đây là Xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ)	119,40	118,00	955.200.000	338.874.600			Chưa hoàn thành bước 2B
20	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500061577	Trụ sở làm việc Đội Thuế Nguyên Giáp, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ; Địa chỉ: Xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ)	Trụ sở làm việc Đội Thuế Nguyên Giáp, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ; Địa chỉ: Xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ)	113,00	156,00	904.000.000	517.432.900			Chưa hoàn thành bước 2B
21	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500061580	Trụ sở làm việc Đội Thuế Hồng Quang, Chi cục Thuế huyện Thanh Miện, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ. Địa chỉ: Xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng (Trước đây là Xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cũ)	Trụ sở làm việc Đội Thuế Hồng Quang, Chi cục Thuế huyện Thanh Miện, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ. Địa chỉ: Xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng (Trước đây là Xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cũ)	0,00	81,00	0	355.036.000			Chưa hoàn thành bước 2B
22	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500061583	Trụ sở làm việc Đội Thuế Thanh Giang, Chi cục Thuế huyện Thanh Miện, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chỉ: Xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng (trước đây là Xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cũ)	Trụ sở làm việc Đội Thuế Thanh Giang, Chi cục Thuế huyện Thanh Miện, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chỉ: Xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng (trước đây là Xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cũ)	0,00	92,40	0	311.769.800			Chưa hoàn thành bước 2B
23	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500095253	TAND thành phố Hải Phòng - CS2	TAND thành phố Hải Phòng - CS2	549,40	0,00	317.265.000	638.062.000			Chưa hoàn thành bước 2B
24	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500095258	TAND khu vực 5 - Hải Phòng - CS2	TAND khu vực 5 - Hải Phòng - CS2	370,00	0,00	12.971.000.000	739.858.000			Chưa hoàn thành bước 2B
25	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500104157	Nhà lớp học mầm non thôn 6, xã Tân Hương, huyện Ninh Giang cũ	Nhà lớp học mầm non thôn 6, xã Tân Hương, huyện Ninh Giang cũ	260,00	46,70	0	22.600.000			Chưa hoàn thành bước 2A
26	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500104158	Nhà trẻ, mẫu giáo xóm 7 thôn Đỗ Xá, xã Ứng Hoè, huyện Ninh Giang cũ	Nhà trẻ, mẫu giáo xóm 7 thôn Đỗ Xá, xã Ứng Hoè, huyện Ninh Giang cũ	578,00	87,00	0	76.390.000			Chưa hoàn thành bước 2A
27	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500104159	Nhà trẻ thôn Đồng Lại 1, xã Ứng Hoè, huyện Ninh Giang cũ	Nhà trẻ thôn Đồng Lại 1, xã Ứng Hoè, huyện Ninh Giang cũ	131,00	52,00	0	346.000.000			Chưa hoàn thành bước 2A
28	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212500104307	Nhà trả mẫu giáo Văn Xá	Nhà trả mẫu giáo Văn Xá	540,20	57,00	576.000.000	52.200.000			Chưa hoàn thành bước 2A
29	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600016331	Trụ sở UBND xã Thanh Sơn cũ/Địa chỉ: xã Thanh Hà, TP Hải Phòng	Trụ sở UBND xã Thanh Sơn cũ/Địa chỉ: xã Thanh Hà, TP Hải Phòng	4.275,00	1.456,00	6.817.000.000	7.357.079.272			Chưa hoàn thành bước 2B
30	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600026228	KBNN Cẩm Giàng (cũ)	KBNN Cẩm Giàng (cũ)	1.870,90	1.151,60	6.148.020.000	12.223.128.433	1305/QĐ-UBND	03/05/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
31	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600041039	Cơ sở nhà đất tại số 11 Trần Hưng Đạo, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng	Cơ sở nhà đất tại số 11 Trần Hưng Đạo, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng	163,50	80,00	12.426.000.000	1.038.559.558	3629	11/10/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
32	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600047731	Khu cơ khí cũ xã Thụy Hương	Khu cơ khí cũ xã Thụy Hương	4.356,20	380,00	0	0			Chưa hoàn thành bước 2A
33	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600048088	83 Bạch Đằng	83 Bạch Đằng	2.419,60	3.079,00	185.628.900.000	10.437.754.000			Chưa hoàn thành bước 2B
34	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600048089	89 Bạch Đằng	89 Bạch Đằng	51,00	152,00	5.100.000.000	388.012.000			Chưa hoàn thành bước 2B
35	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600057657	Cục THADS tỉnh Hải Dương	Cục THADS tỉnh Hải Dương	5.357,00	1.325,00	101.783.000.000	16.273.384.625			Chưa hoàn thành bước 2B
36	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600057658	Chi cục THADS TP Hải Dương - Hải Dương	Chi cục THADS TP Hải Dương - Hải Dương	1.672,00	725,80	45.144.000.000	1.313.000.000			Chưa hoàn thành bước 2B
37	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600057659	Chi cục THADS huyện Thanh Miện- Hải Dương	Chi cục THADS huyện Thanh Miện- Hải Dương	1.050,00	538,60	3.148.500.000	3.053.028.000			Chưa hoàn thành bước 2B
38	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600061587	Thuế cơ sở 12 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Chi cục Thuế huyện Ninh Giang, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ) Địa chỉ: Xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng (trước đây TT Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cũ)	Thuế cơ sở 12 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Chi cục Thuế huyện Ninh Giang, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ) Địa chỉ: Xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng (trước đây TT Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cũ)	3.380,00	2.800,00	20.050.000.000	18.293.823.499	1305/QĐ-UBND	03/05/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
39	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600061592	Thuế cơ sở 6 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Kiến Quốc Chi cục Thuế huyện Kiến Thụy, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ: xã Nghi Dương, thành phố Hải Phòng, trước đây: Thôn 5, xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng	Thuế cơ sở 6 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Kiến Quốc Chi cục Thuế huyện Kiến Thụy, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ: xã Nghi Dương, thành phố Hải Phòng, trước đây: Thôn 5, xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng	152,30	30,00	598.000.000	81.647.000			Chưa hoàn thành bước 2B
40	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600061593	Thuế cơ sở 6 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thế Núi Đối Chi cục Thuế huyện Kiến Thụy, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ: xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, trước đây: Tiểu khu Cầu Đen, Thị trấn Núi Đối, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng	Thuế cơ sở 6 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thế Núi Đối Chi cục Thuế huyện Kiến Thụy, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ: xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, trước đây: Tiểu khu Cầu Đen, Thị trấn Núi Đối, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng	128,60	58,00	956.784.000	356.310.200			Chưa hoàn thành bước 2B
41	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600061594	Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Đông Tạ, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, trước đây: khu 1/5, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Đông Tạ, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, trước đây: khu 1/5, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	100,00	144,00	1.980.000.000	1.712.387.000	2120/QĐ-UBND	10/11/2026	Chưa hoàn thành bước 2B
42	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600061595	Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Hà Phương, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ xã Vĩnh Hòa, thành phố Hải Phòng, trước đây Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Hà Phương, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ xã Vĩnh Hòa, thành phố Hải Phòng, trước đây Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	200,00	26,00	1.700.000.000	87.643.000	1305/QĐ-UBND	03/05/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
43	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600061596	Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Nam Am, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ xã Nguyễn Bỉnh Khiêm, thành phố Hải Phòng, trước đây: Xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Nam Am, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ xã Nguyễn Bỉnh Khiêm, thành phố Hải Phòng, trước đây: Xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	482,00	65,00	4.771.800.000	355.707.000			Chưa hoàn thành bước 2B
44	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600061597	Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Cộng Hiền, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ xã Vĩnh Hải , thành phố Hải Phòng, trước đây: Xã Cộng Hiền, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Cộng Hiền, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ xã Vĩnh Hải , thành phố Hải Phòng, trước đây: Xã Cộng Hiền, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	73,00	51,00	521.950.000	122.259.000			Chưa hoàn thành bước 2B
45	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600061598	Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Đông Quy, Chi cục Thuế huyện Tiên Lãng, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ xã Tiên Minh, thành phố Hải Phòng, trước đây : Xóm 10 xã Toàn Thắng, huyện Tiên Lãn, thành phố Hải Phòng	Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Đông Quy, Chi cục Thuế huyện Tiên Lãng, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ) Địa chỉ xã Tiên Minh, thành phố Hải Phòng, trước đây : Xóm 10 xã Toàn Thắng, huyện Tiên Lãn, thành phố Hải Phòng	91,00	49,00	728.000.000	402.016.000	1305/QĐ-UBND	03/05/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
46	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600061609	Thuế cơ sở 10 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế số 1, Chi cục Thuế huyện Chí Linh, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chỉ: KDC Đại Tân, Phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng (trước đây là P. Hoàng Tân - TP Chí Linh - tỉnh Hải Dương cũ)	Thuế cơ sở 10 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế số 1, Chi cục Thuế huyện Chí Linh, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chỉ: KDC Đại Tân, Phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng (trước đây là P. Hoàng Tân - TP Chí Linh - tỉnh Hải Dương cũ)	300,00	110,00	1.176.000.000	248.851.000			Chưa hoàn thành bước 2B
47	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600095255	TAND khu vực 2 - Hải Phòng - CS2	TAND khu vực 2 - Hải Phòng - CS2	1.698,00	0,00	17.217.720.000	4.934.895.000	3133/QĐ-UBND	07/09/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
48	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600095259	TAND khu vực 5 - Hải Phòng - CS3	TAND khu vực 5 - Hải Phòng - CS3	3.543,00	0,00	30.611.520.000	12.668.254.865			Chưa hoàn thành bước 2A
49	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600095260	TAND khu vực 6 - Hải Phòng - CS2	TAND khu vực 6 - Hải Phòng - CS2	2.738,00	0,00	15.061.200.000	9.386.009.046	3133/QĐ-UBND	07/09/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
50	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600095261	TAND khu vực 6 - Hải Phòng - CS3	TAND khu vực 6 - Hải Phòng - CS3	840,00	0,00	25.200.000.000	2.081.083.000	3133/QĐ-UBND	07/10/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
51	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600095262	TAND khu vực 7 - Hải Phòng - CS2	TAND khu vực 7 - Hải Phòng - CS2	1.400,00	0,00	28.000.000.000	1.059.881.000	3133/QĐ-UBND	07/09/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
52	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600099229	Nhà, đất số 9B Ngô Gia Tự	Nhà, đất số 9B Ngô Gia Tự	120,00	105,00	960.000.000	189.870.500			Chưa hoàn thành bước 2B
53	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600100910	Trụ sở Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hải Phòng (Sở KHCN): số 05 Đức Minh	Trụ sở Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hải Phòng (Sở KHCN): số 05 Đức Minh	2.313,00	1.227,00	95.774.760.000	1.221.586.000	4036/QĐ-UBND	28/09/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
54	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600101048	Kho bạc Nhà nước Cẩm Giàng cũ, phường Tứ Minh	Kho bạc Nhà nước Cẩm Giàng cũ, phường Tứ Minh	1.870,90	1.151,60	6.148.020.000	12.223.128.433			Chưa hoàn thành bước 2A
55	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600104306	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Chí Linh cũ	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Chí Linh cũ	9.402,00	288,00	158.630.650.000	1.715.460.100			Chưa hoàn thành bước 2A
56	T02043	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố	000212600104314	Trụ sở hạt giao thông Ninhh Giang cũ	Trụ sở hạt giao thông Ninhh Giang cũ	896,00	402,00	23.328.000.000	0			Chưa hoàn thành bước 2A
57	T02072	UBND Xã An Lão	000212500057642	Chi cục THADS huyện An Lão - Hải Phòng	Chi cục THADS huyện An Lão - Hải Phòng	500,00	222,00	2.925.000.000	816.670.008	1400/QĐ-UBND	10/04/2026	Chưa hoàn thành bước 2A
58	T02083	UBND Xã Vĩnh Bảo	000212600047724	Nhà văn hóa thôn Đông Thái/Địa chỉ: Thôn Đông Thái, Xã Vĩnh Bảo	Nhà văn hóa thôn Đông Thái/Địa chỉ: Thôn Đông Thái, Xã Vĩnh Bảo	147,00	75,20	0	0	2119/QĐ-UBND	12/11/2026	Chưa hoàn thành bước 2B
59	T02083	UBND Xã Vĩnh Bảo	000212600047736	Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Vĩnh Bảo (cũ)	Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Vĩnh Bảo (cũ)	765,00	430,00	0	0	2118/QĐ-UBND	10/11/2026	Chưa hoàn thành bước 2B
60	T02083	UBND Xã Vĩnh Bảo	000212600047738	Trụ sở MTTQ huyện Vĩnh Bảo cũ	Trụ sở MTTQ huyện Vĩnh Bảo cũ	1.105,00	906,00	0	0	1940/QĐ-UBND	07/10/2026	Chưa hoàn thành bước 2B
61	T02083	UBND Xã Vĩnh Bảo	000212600092615	Trụ sở UBND xã Tân Liên	Trụ sở UBND xã Tân Liên	4.506,00	789,00	8.471.280.000	13.443.386.000	2122/QĐ-UBND	10/11/2026	Chưa hoàn thành bước 2B
62	T02084	UBND Xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	000112600099230	Trường Tiểu học Lôi Trạch	Trường Tiểu học Lôi Trạch	2.705,80	0,00	32.469.600.000	0			Chưa hoàn thành bước 2A
63	T02084	UBND Xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	000112600099231	Nhà Hợp tác xã thôn Hàm Dương	Nhà Hợp tác xã thôn Hàm Dương	4.861,40	0,00	29.168.400.000	0			Chưa hoàn thành bước 2A
64	T02096	UBND Phường Thành Đông	000212600016308	Nhà văn hoá khu 2Địa chỉ: số 41 Ngô Gia Tự, TDP số 28	Nhà văn hoá khu 2Địa chỉ: số 41 Ngô Gia Tự, TDP số 28	96,00	82,00	952.952.000	130.000.000			Chưa hoàn thành bước 2A
65	T02096	UBND Phường Thành Đông	000212600016309	Nhà văn hoá khu 4 Địa chỉ: số 80/120 Chi Lăng, TDP số 30	Nhà văn hoá khu 4 Địa chỉ: số 80/120 Chi Lăng, TDP số 30	41,00	41,00	294.175.000	198.000.000			Chưa hoàn thành bước 2A
66	T02096	UBND Phường Thành Đông	000212600016310	Nhà văn hoá khu 6 Địa chỉ: số 6/81 Hào Thành, TDP số 32	Nhà văn hoá khu 6 Địa chỉ: số 6/81 Hào Thành, TDP số 32	78,00	59,00	694.232.000	130.000.000			Chưa hoàn thành bước 2A
67	T02096	UBND Phường Thành Đông	000212600016311	Nhà văn hoá khu 7, phường Nguyễn Trãi (cũ). Địa chỉ: số 12/110 Nguyễn Trãi, TDP số 33	Nhà văn hoá khu 7, phường Nguyễn Trãi (cũ). Địa chỉ: số 12/110 Nguyễn Trãi, TDP số 33	124,00	93,00	1.501.122.000	252.000.000			Chưa hoàn thành bước 2A
68	T02096	UBND Phường Thành Đông	000212600016312	Trạm y tế phường Cẩm Thượng cũ	Trạm y tế phường Cẩm Thượng cũ	399,00	345,00	0	0			Chưa hoàn thành bước 2A
69	T02100	UBND Phường Tứ Minh	000212500056239	Cơ sở nhà đất VKSND huyện Cẩm Giàng (tỉnh Hải Dương cũ)	Cơ sở nhà đất VKSND huyện Cẩm Giàng (tỉnh Hải Dương cũ)	1.488,30	290,00	4.183.980.000	865.991.000			Chưa hoàn thành bước 2B
70	T02101	UBND Phường Chu Văn An	000212600016314	Trụ sở Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Chí Linh (cũ)	Trụ sở Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Chí Linh (cũ)	9.402,00	288,00	158.630.650.000	1.715.460.100			Chưa hoàn thành bước 2A
71	T02101	UBND Phường Chu Văn An	000212600016315	Trạm y tế phường Chu Văn An, điểm Y tế số 2	Trạm y tế phường Chu Văn An, điểm Y tế số 2	907,00	330,00	4.625.700.000	1.272.679.269			Chưa hoàn thành bước 2A
72	T02101	UBND Phường Chu Văn An	000212600016316	Trụ sở Công an Phường Văn An (Cũ)	Trụ sở Công an Phường Văn An (Cũ)	1.975,00	553,00	12.581.250.000	5.801.120.047			Chưa hoàn thành bước 2A
73	T02114	UBND Xã Nam Sách	000212600095265	TAND khu vực 9 - Hải Phòng - CS2	TAND khu vực 9 - Hải Phòng - CS2	1.759,50	0,00	3.035.000.000	6.088.769.000			Chưa hoàn thành bước 2B
74	T02141	UBND Xã Ninh Giang	000212500061581	Trụ sở làm việc Đội Thuế TT Ninh Giang, Chi cục Thuế huyện Ninh Giang, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chỉ: Xã Ninh Giang thành phố Hải Phòng (trước đây là TT Ninh Giang, huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương cũ)	Trụ sở làm việc Đội Thuế TT Ninh Giang, Chi cục Thuế huyện Ninh Giang, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chỉ: Xã Ninh Giang thành phố Hải Phòng (trước đây là TT Ninh Giang, huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương cũ)	0,00	90,00	0	165.718.000			Chưa hoàn thành bước 2B
75	T02143	UBND xã Khúc Thừa Dụ	000212500061579	Trụ sở làm việc Đội Thuế Kiến Quốc, Chi cục Thuế huyện Ninh Giang, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chi: Xã Khúc Thừa Dụ, thành phố Hải Phòng (trước đây là Xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương cũ)	Trụ sở làm việc Đội Thuế Kiến Quốc, Chi cục Thuế huyện Ninh Giang, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ Địa chi: Xã Khúc Thừa Dụ, thành phố Hải Phòng (trước đây là Xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương cũ)	0,00	80,00	0	222.623.000			Chưa hoàn thành bước 2B
76	T02151	UBND Xã Phú Thái	000212600099232	Điểm Trường Thượng Quận thôn Bãi Mạc	Điểm Trường Thượng Quận thôn Bãi Mạc	1.657,00	329,00	5.872.000.000	277.294.000			Chưa hoàn thành bước 2A
77	T02151	UBND Xã Phú Thái	000212600099233	Trạm y tế xã Phú Thái - Điểm trạm Phúc Thành	Trạm y tế xã Phú Thái - Điểm trạm Phúc Thành	2.870,00	358,60	20.090.000.000	579.712.000			Chưa hoàn thành bước 2A